

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 12****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Phần đọc hiểu****a. Truyện truyền kì và truyện ngắn hiện đại**

| Thể loại | Khái niệm | Đặc điểm |
|-----------------------------|---|---|
| Truyện truyền kì | <ul style="list-style-type: none"> - Là thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc. - Truyện truyền kì phát triển trên nền tảng thần thoại, truyền thuyết,... của văn học dân gian và những tín ngưỡng văn hóa trong đời sống tinh thần của các dân tộc | <ul style="list-style-type: none"> - Trong truyện truyền kì, yếu tố kì ảo được sử dụng như một phương thức nghệ thuật có tính đặc thù nhằm thể hiện các vấn đề của thực tại - Ngôn ngữ truyện truyền kì: thường sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt câu kì, khoa trương, phóng đại; chuộng ngôn từ hoa mỹ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng;... |
| Truyện ngắn hiện đại | <ul style="list-style-type: none"> - Truyện ngắn hiện đại là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. | <ul style="list-style-type: none"> - Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. |

b. Hài kịch

| Khái niệm | Đặc điểm | Các thành phần |
|------------------|-----------------|-----------------------|
|------------------|-----------------|-----------------------|

| | | |
|--|--|--|
| <p>Là thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán vốn đi lệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng</p> | <p>Tiếng cười hài kịch cất lên từ sự vênh lệch, không tương thích giữa mục đích và phương tiện thực hiện, bản chất và biểu hiện, hành động và hoàn cảnh, tham vọng và nhân và các khả năng thực hiện,... tức là từ những cái ngộ nghĩnh, ngược đời, bất hợp lí</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật trong hài kịch: là những nhân vật tiêu biểu cho một thói tật đáng cười, đáng phê phán, hoặc những nhân vật thường xuyên nhầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế - Tình huống hài kịch: là những tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người - Xung đột trong hài kịch: thường được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa ảo tưởng và những chuẩn mực và tiến bộ xã hội |
|--|--|--|

c. Nhật kí, phóng sự, hồi kí

| Thể loại | Khái niệm | Đặc điểm |
|----------------|--|---|
| Nhật kí | <p>- Ghi chép theo thứ tự ngày tháng về những sự kiện của đời sống mà tác giả là người trực tiếp tham gia hay chứng kiến</p> | <p>- Thường bộc lộ suy nghĩ, thái độ và đánh giá của người viết về con người, cuộc đời và chính bản thân mình</p> |

| | | |
|-----------------|--|---|
| Phóng sự | - Ghi chép kịp thời, cụ thể những sự việc, con người nhằm làm sáng tỏ trước công luận về vấn đề đặt ra từ bài viết | - Vấn đề nêu lên trong bài phóng sự thường liên quan đến hoạt động và số phận của một hoặc nhiều người, có ý nghĩa thời sự đối với xã hội |
| Hồi kí | - Ghi lại những sự kiện xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến | - Do sự cách quãng của thời gian diễn ra sự kiện nên hồi kí không chỉ ghi chép tỉ mỉ hàng ngày mà chỉ ghi chép dựa trên ấn tượng và hồi ức của cá nhân người viết - Đảm bảo tính khách quan, chính xác về sự kiện, nhân vật, thời gian, địa điểm,... |

d. Văn tế

| Khái niệm | Đặc điểm |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Là thể loại văn học chủ yếu gắn với tục tang lễ, bày tỏ tình cảm của người còn sống đối với người đã mất - Đôi khi văn tế biến thể được dùng trong những trường hợp đùa vui hay châm biếm | <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn tế thường có hai nội dung cơ bản: tưởng nhớ người đã mất và thể hiện tình cảm của người còn sống trong giờ phút vĩnh biệt người mất - Kết cấu gồm 4 phần: mở đầu (lung khởi), đoạn hai (thích thực), đoạn ba (ai vãn), đoạn kết - Văn tế có thể được viết bằng văn xuôi cổ, có đôi, văn vần, văn biền ngẫu - Văn tế có khi được viết theo thể tự do nhưng phần nhiều văn tế phỏng theo thể phú Đường luật |

| | |
|--|---|
| | - Văn tế thường sử dụng nhiều thán từ, những từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị biểu cảm |
|--|---|

e. Văn bản nghị luận (lập luận và các thao tác trong văn bản nghị luận)

| Khái niệm | Đặc điểm |
|--|--|
| Lập luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc về một vấn đề. | Giá trị của văn bản nghị luận được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận (cách dùng lí lẽ và bằng chứng) của người viết. |
| <p>Các thao tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh là dùng lí lẽ và bằng chứng giúp người đọc thấy rằng ý kiến được nêu là hoàn toàn có cơ sở, đáng tin cậy. - Bình luận là đánh giá về sự đúng – sai, hay – dở, tốt – xấu, tích cực – tiêu cực của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động... - Bác bỏ là chỉ ra sự sai lầm, phiến diện hoặc thiếu chính xác của một quan điểm, ý kiến - Giải thích là cắt nghĩa về đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm,..) một cách chi tiết, tỉ mỉ - Phân tích là chia tách đối tượng thành nhiều bộ phận - So sánh là đặt đối tượng này bên cạnh đối tượng khác | Trong bài văn nghị luận, các thao tác trên thường được phối hợp với nhau một cách linh hoạt nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất |

2. Phần tiếng Việt

a. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

| Ngôn ngữ | Khái niệm | Đặc điểm |
|--------------------|--|---|
| Trang trọng | - Là kiểu ngôn ngữ thường được sử dụng trong các giao tiếp liên quan đến công việc chung như thuyết trình, giảng dạy, trao đổi ý kiến trong cuộc họp, phát biểu ý kiến trong lớp học,... hoặc viết báo cáo, đơn từ, làm bài, viết bài nghiên cứu,... | - Thường được gọt giũa cẩn thận - Từ ngữ và kiểu câu phải đảm bảo chuẩn mực về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách - Ưu tiên sử dụng từ ngữ toàn dân với nghĩa chính thống và lịch sự, không sử dụng tiếng lóng, từ thông tục; ít sử dụng câu đặc biệt, câu rút gọn,... |
| Thân mật | - Là kiểu ngôn ngữ thường được sử dụng trong các giao tiếp hằng ngày như trò chuyện hoặc viết tin nhắn, viết thư cho bạn bè, người thân, viết nhật kí cá nhân,... | - Thường sử dụng các từ ngữ có sắc thái gần gũi, dân dã, phù hợp với mối quan hệ giữa các đối tượng giao tiếp - Kiểu câu trong ngôn ngữ thân mật cũng đa dạng, bao gồm cả câu đặc biệt, câu rút gọn |

b. Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

| Lỗi | Khái niệm | Ví dụ |
|-----------|---|--|
| Lỗi logic | Là câu có sự mâu thuẫn giữa các ý được trình bày, lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng, đặt các đối tượng | Bên cạnh việc hăng hái cách tân thi ca, ông còn là một chiến sĩ nhiệt thành đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít |

| | | |
|---------------|--|--|
| | không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng | <ul style="list-style-type: none"> - Về đầu câu nói về hoạt động của chủ thể, về sau lại nói đến vị thế xã hội của chủ thể, mặc dù câu được cấu trúc theo mẫu: bên cạnh... còn... - Chính sự lẫn lộn các bình diện như thế khi nói về đối tượng đã khiến câu mắc lỗi logic |
| Lỗi câu mơ hồ | Là câu khiến người đọc có thể hiểu theo những cách khác nhau | <ul style="list-style-type: none"> Tôi đồng ý với những đánh giá về truyện ngắn của ông ấy - Khó xác định câu này muốn đề cập những ý kiến của ông ấy đánh giá về truyện ngắn hay có những ý kiến của người khác đánh giá về truyện ngắn do ông ấy sáng tác |

c. Biện pháp tu từ nghịch ngữ

| Biện pháp | Khái niệm | Đặc điểm |
|------------|--|--|
| Nghịch ngữ | Là biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình | <ul style="list-style-type: none"> Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa |

d. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập và nghiên cứu

| | Khái niệm | Mục đích |
|---|---|---|
| Quyền sở hữu trí tuệ | - Là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm: quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng | - Nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân |
| Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ | - Nghĩa là trích dẫn trung thực ý tưởng, lời văn của tác phẩm được sử dụng trong bài viết, bài nói - Là hành vi trung thực, văn minh, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo lí | |

3. Phần làm văn

a. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

| Phần | Nội dung |
|-------------|--|
| Mở bài | Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này. |
| Thân bài | Cần triển khai các ý: + Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học... + Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy (ví dụ: hai tác phẩm cùng đề cập một loại hiện tượng đời sống hay một loại hình nhân vật; hai tác giả có cùng quan điểm thẩm mỹ và cách tiếp cận hiện thực; có hiện tượng tác giả này chịu ảnh hưởng tác giả kia về đề tài, cảm hứng, bút pháp, phong cách sáng tác;...). |

| | |
|---------|--|
| | <p>+ Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy (ví dụ: mỗi nhà văn có quan điểm thẩm mỹ, cách tiếp cận hiện thực và cá tính sáng tạo riêng; mỗi nhà văn chịu ảnh hưởng của một truyền thống văn hoá, văn học khác nhau; đối tượng được miêu tả, câu chuyện được kể lại ở mỗi tác phẩm có điểm đặc thù;).</p> <p>+ Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.</p> |
| Kết bài | Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh. |

b. Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án

| Phần | Nội dung |
|-------------------|---|
| Chuẩn bị viết | <p>a. Lựa chọn đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài của báo cáo nghiên cứu có thể là một vấn đề xã hội như một sự kiện văn hóa – lịch sử, một vấn đề khoa học – nghệ thuật, một hiện tượng tâm lí, cũng có thể là một vấn đề tự nhiên như môi trường, khí hậu, tài nguyên,... <p>b. Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nguồn tài liệu có thể cung cấp những loại thông tin khác nhau, phù hợp với những chủ đề khác nhau - Cần lưu trữ một cách hệ thống, khoa học những thông tin đáng tin cậy đã thu thập được. Có một số cách phổ biến để lưu trữ thông tin như: tóm tắt, trích dẫn |
| Xây dựng đề cương | Sau khi đã có được những thông tin bao quát về vấn đề, có thể tìm thấy một cách triển khai vấn đề riêng của mình |
| Viết | - Khi viết báo cáo nghiên cứu, cần tuân thủ các quy định về hình thức trình bày của một báo cáo nghiên cứu |

| | |
|-----------------------|--|
| | Lưu ý: Bài viết cần thể hiện rõ các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; có trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo và các phương tiện hỗ trợ phù hợp |
| Chỉnh sửa, hoàn thiện | Tự rà soát lại bài nghiên cứu của mình theo các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục phù hợp với một báo cáo nghiên cứu, gồm các phần: Đặt vấn đề, Giải quyết vấn đề, Kết luận, Tài liệu tham khảo - Các thông tin tham khảo có nguồn gốc rõ ràng, đáng tin cậy - Các luận điểm rõ ràng, bằng chứng thuyết phục - Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả; không mắc lỗi dùng từ, đặt câu (ngữ pháp) |

c. Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí

| Phần | Nội dung |
|----------|--|
| Mở bài | Giới thiệu hai tác phẩm kí được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này. |
| Thân bài | Cần triển khai các ý: <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học... + Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm kí và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy (ví dụ: hai tác phẩm cùng đề cập một loại hiện tượng đời sống hay một loại hình nhân vật; hai tác giả có cùng quan điểm thẩm mỹ và cách tiếp cận hiện thực; có hiện tượng tác giả này chịu ảnh hưởng tác giả kia về đề tài, cảm hứng, bút pháp, phong cách sáng tác;...). + Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm kí và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy (ví dụ: mỗi nhà văn có quan điểm thẩm mỹ, cách tiếp cận hiện thực và cá tính sáng tạo riêng; mỗi nhà văn chịu ảnh hưởng của một truyền thống văn hoá, văn học khác nhau; đối tượng |

| | |
|---------|--|
| | <p>được miêu tả, câu chuyện được kể lại ở mỗi tác phẩm có điểm đặc thù;).</p> <p>+ Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm kí và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.</p> |
| Kết bài | Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm kí khi đặt chúng trong tương quan so sánh. |

d. Viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

| Phần | Nội dung |
|----------|--|
| Mở bài | Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó. |
| Thân bài | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận liên quan đến tuổi trẻ. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gọi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?...). Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết. - Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. - Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề. |
| Kết bài | Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân. |

e. Viết bài văn nghị luận về vai trò của văn học với tuổi trẻ

| Phần | Nội dung |
|----------|--|
| Mở bài | Giới thiệu vấn đề |
| Thân bài | - Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. |

| | |
|---------|--|
| | <p>- Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Đó là tác phẩm nào? Nội dung chính của tác phẩm là gì? Hình thức nghệ thuật của tác phẩm có gì đặc sắc? Tác phẩm đã để lại trong tâm hồn em ấn tượng sâu đậm như thế nào? Vì sao tác phẩm ấy lại có tác động mạnh mẽ đến tâm hồn em? Tác phẩm ấy đã làm thay đổi nhận thức, hành động, suy nghĩ, tình cảm,... của em như thế nào?). Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết.</p> <p>– Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình.</p> <p>– Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề.</p> |
| Kết bài | Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân. |

B. BÀI TẬP

1. Phần đọc hiểu

* Văn bản *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*

Câu 1: Giá trị nội dung của tác phẩm *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* - Nguyễn Dữ là gì?

Câu 2: Tính cách của Ngô Tử Văn được thể hiện qua những hành động như thế nào?

* Văn bản *Muối của rừng*

Câu 3: Vì sao ông Diêu sợ hãi “kinh hoàng” đến mức phải chạy trốn?

Câu 4: Đặc sắc nghệ thuật của văn bản là gì?

* Văn bản *Chiếc thuyền ngoài xa*

Câu 5: Truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* tiêu biểu cho phong cách nào của tác giả Nguyễn Minh Châu?

Câu 6: Giá trị nội dung của *Chiếc thuyền ngoài xa* là?

* Văn bản *Quan thanh tra*

Câu 7: Thị trường phản ứng như thế nào trước khi bức thư được đọc?

Câu 8: Thông điệp của đoạn trích là gì?

* Văn bản *Thực thi công lý*

Câu 9: Tình huống kịch trong đoạn trích là gì?

Câu 10: Đỉnh điểm của xung đột trong đoạn trích diễn ra khi nào?

** Văn bản Loạn đến nơi rồi*

Câu 11: Câu nói “Loạn, loạn đến nơi rồi!” thể hiện suy nghĩ, tâm trạng gì của ông Đoàn Xoa?

Câu 12: Nhân vật Quân có thái độ gì khi gọi ông Xoa là “ông duy vật”?

** Văn bản Nhật kí Đặng Thùy Trâm*

Câu 13: Tính phi hư cấu trong đoạn trích Nhật kí Đặng Thùy Trâm được thể hiện ở yếu tố nào?

** Văn bản Khúc tráng ca nhà giàn*

Câu 14: Khu vực Ba Kè có gì đặc biệt?

** Văn bản Quyết định khó khăn nhất*

Câu 15: Vì sao Đại tướng quyết định triệu tập Đảng ủy Mặt trận họp gấp?

** Văn bản Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*

Câu 16: “Mười năm công vỡ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ” cho thấy điều gì?

** Văn bản Việt Bắc*

Câu 17: Việc sử dụng cặp đại từ xưng hô mình – ta có tác dụng gì?

** Văn bản Lưu biệt khi xuất dương*

Câu 18: Hình ảnh kì vĩ của bậc nam tử trong 4 câu thơ đầu được vẽ trên một tấm phong rất kì vĩ, tương xứng, đó là tấm phong nào?

** Văn bản Văn học và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách văn hóa con người*

Câu 19: Các kiến nghị của tác giả liên quan đến đối tượng nào?

2. Phần tiếng Việt

a. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Câu 1: Trong một buổi phỏng vấn xin việc, bạn nên sử dụng ngôn ngữ nào?

Câu 2: Khi viết đơn xin nghỉ học, học sinh nên sử dụng ngôn ngữ nào?

Câu 3: Khi viết thư cho bạn thân, người viết nên sử dụng ngôn ngữ nào?

Câu 4: Câu: Tôi xin phép được bày tỏ ý kiến của mình. Sử dụng loại ngôn ngữ nào

Câu 5: Đặt 1 câu sử dụng ngôn ngữ trang trọng

b. Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

Câu 6: Chỉ ra lỗi sai của câu sau: Việc làm kịp thời này lẽ ra phải được tiến hành từ tháng trước.

Câu 7: Sửa lại câu sau để chỉ hiểu được 1 nghĩa: Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu

Câu 8: Xác định lỗi logic của câu sau: “Là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới, Vội vàng của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân”.

c. Biện pháp tu từ nghịch ngữ

Câu 9: Xác định nghịch ngữ trong câu sau:

Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhồm dậy để vồ lấy thuyền.

Câu 10: Xác định nghịch ngữ trong câu sau:

Tôi xin chịu một hình phạt êm đềm: Đôi môi tôi như hai kẻ hành hương rụt rè xin sẵn sàng xóa vết bàn tay thô bạo kia bằng một cái hôn triu mến.

Câu 11: Dấu hiệu nhận biết nghịch ngữ trong câu sau:

Ông hứa thế, giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chẳng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ “chăm sóc” vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao?

Câu 12: Xác định nghịch ngữ trong câu sau: Thôi! Tôi đã nhất định... nói có vong hồn ông Đoan với ông Phán nhà tôi chứng giám cho, tôi đã nhất định thủ tiết với hai ông!

Câu 13: Xác định nghịch ngữ trong câu sau: Trong lúc ấy ông nhà báo cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình vội vàng lấy bút máy và sổ tay ra ghi chép, coi những lời lẽ quý hóa ấy tựa hồ bật ở miệng một vĩ nhân mà ra...

Câu 14: Phân tích tác dụng của nghịch ngữ trong đoạn thơ sau:

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức

Câu 15: Phân tích hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng nghịch ngữ trong câu: Sóng đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được

trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ ảm đù đèn công đó.

3. Phân làm văn

a. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

Đề 1: Viết bài văn nghị luận so sánh truyện Hoàng tử bé của Ăng-toan đơ Xanh-tơ - Ê-xu-pe-ri và Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ Nguyễn Ngọc Thuần

Đề 2: Viết bài văn nghị luận so sánh Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài và Vợ nhặt của Kim Lân

Đề 3: Viết bài văn nghị luận so sánh Thời thơ ấu của Mác-xim Go-rơ-ki và Những ngày thơ ấu Nguyên Hồng

Đề 4: Viết bài văn nghị luận so sánh truyện Lão Hạc và Chí Phèo

Đề 5: Viết bài văn nghị luận so sánh truyện Hai đứa trẻ và Chữ người tử tù

b. Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án

Đề 1: Viết báo cáo nghiên cứu về vấn đề nghiện mạng xã hội hiện nay

Đề 2: Viết báo cáo nghiên cứu về Lịch sử, văn hóa, xã hội và giáo dục người Chăm ở Việt Nam

Đề 3: Viết báo cáo nghiên cứu về kiến trúc Hoàng Thành Thăng Long

c. Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí

Đề 1: So sánh tác phẩm Nhật ký Đặng Thùy Trâm và Một lít nước mắt

Đề 2: So sánh hình tượng sông Đà trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” và sông Hương trong bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông”

d. Viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

Đề 1: Có câu nói: “Cứ sai đi vì cuộc đời cho phép” nhưng lại có ý kiến cho rằng “Không nên coi sai lầm là phép thử cho cuộc đời của bạn”. Viết bài văn nêu ý kiến của bạn về 2 ý kiến trên

Đề 2: Viết bài văn nghị luận nêu quan điểm về sự cống hiến của tuổi trẻ với tổ quốc

Đề 3: Viết bài văn nghị luận về vấn đề sống có ích

Đề 4: Viết bài văn nghị luận về việc sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội của giới trẻ

e. Viết bài nghị luận về vai trò của văn học với tuổi trẻ

Đề 1: Viết bài nghị luận về thơ văn với việc bồi đắp tâm hồn thế hệ trẻ

C. LỜI GIẢI CHI TIẾT

1. Phần đọc hiểu

Câu 1:

Phương pháp

Đọc kĩ tác phẩm

Lời giải chi tiết

Giá trị nội dung của tác phẩm Chuyện chức phán sự đền Tản Viên - Nguyễn Dữ là: Đề cao tinh thần khảng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân, thể hiện niềm tin công lý, chính nghĩa nhất định chiến thắng gian tà.

Câu 2:

Phương pháp

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Tính cách khảng khái nóng nảy của Ngô Tử Văn được thể hiện qua những hành động:

- Sự tức giận trước việc “hung yêu tác quái” của tên hung thần và hành động đốt đền trừ hại cho dân
- Thái độ điềm nhiên không khiếp sợ trước những lời đe dọa của tên hung thần. Thái độ cứng cỏi, bất khuất trước Diêm Vương đầy quyền lực
- Sự gan dạ trước bọn quỷ dạ xoa nanh ác và quang cảnh đáng sợ nơi cõi âm

Câu 3:

Phương pháp

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Ông Diêu sợ hãi “kinh hoàng” đến mức phải chạy trốn vì chứng kiến cảnh khi con rơi xuống vực cùng tiếng rú thê thảm, “trong kí ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này”.

Câu 4:

Phương pháp

Đọc kĩ văn bản

Chú ý những chi tiết, biện pháp nghệ thuật nổi bật

Lời giải chi tiết

- Viết truyện ngắn tinh tế và hấp dẫn
- Tình tiết truyện lôi cuốn
- Xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc, nghệ thuật ẩn dụ đầy tinh tế

Câu 5:**Phương pháp**

Đọc kĩ văn bản và nhớ lại kiến thức về phong cách sáng tác của tác giả

Lời giải chi tiết

Truyện in đậm phong cách tự sự - triết lí của Nguyễn Minh Châu, rất tiêu biểu cho hướng tiếp cận đời sống từ góc độ thế sự của nhà văn ở giai đoạn sáng tác thứ hai.

Câu 6:**Phương pháp**

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Giá trị nội dung:

- Khát vọng tìm kiếm, phát hiện, tôn vinh những vẻ đẹp tiềm ẩn của con người.
- Đề cao vẻ đẹp của một cốt cách nghệ sĩ mẫn cảm, đầy chiêm nghiệm lẽ đời để rút ra những triết lí nhân sinh sâu sắc, đặt ra những vấn đề có ý nghĩa với mọi thời, mọi người

Câu 7:**Phương pháp**

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Thị trường ngạc nhiên, không thể tin thậm chí tức giận, đòi đày chủ Bưu vụ đi Xi-bia trước khi bức thi được đọc

- + “ Sao ông lại dám làm thế?... [...] Sao ông lại dám bóc thư của một vị quan lớn được ủy nhiệm như vậy”
- + “ Sao ông lại dám gọi Ngài là chẳng phải ông cũng chẳng phải thằng”
- + “Ông phải biết Ngài cưới con gái tôi, tôi sẽ trở thành quan to có uy quyền, tôi sẽ đày ông đi Xi- bia, rõ không?”

Câu 8:**Phương pháp**

Đọc kĩ văn bản

Chú ý những chi tiết được tác giả gửi gắm và rút ra thông điệp

Lời giải chi tiết

Đoạn trích “Quan thanh tra” của Gogol đã vạch trần bản chất của bộ máy quan chức công kênh, mục nát dưới chế độ Sa hoàng. Đồng thời, đoạn trích đã châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu, những góc khuất của xã hội. Từ đó, phản ánh hiện thực xã hội bất công, phân chia nhiều tầng lớp trong xã hội

Câu 9:

Phương pháp

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Tình huống kịch: Sai-lốc kiện An-tô-ni-ô ra tòa đòi thực hiện hình phạt lấy một cân thịt trên cơ thể An-tô-ni-ô. Poóc-xi-a yêu cầu Sai-lốc khoan hồng nhưng Sai-lốc không chấp nhận; yêu cầu thực thi công lý và theo các điều khoản pháp luật.

Câu 10:

Phương pháp

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết

Đỉnh điểm của xung đột là khi Sai-lốc biết rằng mình phải khoan hồng với vụ kiện tại phiên tòa xét xử; yêu cầu đòi hỏi công lý và thi hành các điều khoản của việc văn kiện.

Câu 11:

Phương pháp

Đọc kĩ câu nói, xác định kiểu câu và nêu tác dụng

Lời giải chi tiết

Câu nói “Loạn, loạn đến nơi rồi!” đã thể hiện tâm trạng tức giận, bàng hoàng không thể tin nổi về việc người dân đi khoán chui. Ông nghĩ rằng việc làm đấy của người dân là làm cho lợi ích của cá nhân họ, không phải là vì lợi ích của hợp tác, trái ngược với nền xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ.

Câu 12:

Phương pháp

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Khi gọi ông Xoa là “ông duy vật”, Quân đã thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm với lối suy nghĩ duy ý chí, lạc hậu, hạn hẹp của ông Xoa.

Câu 13:**Phương pháp**

Đọc kĩ văn bản

Nhớ lại kiến thức về tính phi hư cấu trong văn bản

Lời giải chi tiết

Tính phi hư cấu được thể hiện ở những sự kiện có thực (về thời gian, địa điểm, ...) mà người viết đã trực tiếp tham gia và chứng kiến. Trong đoạn trích Nhật kí Đặng Thùy Trâm

Câu 14:**Phương pháp**

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Khu vực Ba Kè mặc dù không có đảo chìm nhưng có độ sâu vừa đủ để xây dựng các nhà giàn vây bọc lấy nhau, đủ sức tạo thành thế trận giữ chủ quyền đất nước những khoảng san hô quý giá mà tiềm ẩn quanh đó là mỏ dầu, túi khí.

Câu 15:**Phương pháp**

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Đại tướng quyết định triệu tập Đảng ủy Mặt trận họp gấp vì muốn thay đổi phương án chiến đấu từ phương án “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”.

Câu 16:**Phương pháp**

Đọc kĩ câu văn

Đối chiếu với chính thể toàn văn bản

Lời giải chi tiết

“Mười năm công vỡ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mắt tiếng vang như mõ”

- Người nông dân trở thành người nghĩa sĩ, yếu tố thời gian phản ánh sự chuyển biến, sự vùng dậy đấu tranh mau lẹ của người dân yêu nước
- Hoàn cảnh đất nước bị Pháp xâm lược và sự phản ứng mạnh mẽ đấu tranh chống trả của nhân dân

Câu 17:***Phương pháp***

Đọc kĩ bài thơ

Chú ý nhịp điệu và tính dân ca

Lời giải chi tiết

Cách xưng hô mình – ta:

- Gọi nghĩa tình thân thiết, gắn bó
 - Là cách gọi quen thuộc trong ca dao, dân ca
- Tạo không khí trữ tình, cảm xúc

Câu 18:***Phương pháp***

Đọc kĩ bài thơ

Lời giải chi tiết

Tám phong Không gian và thời gian kì vĩ

Câu 19:***Phương pháp***

Đọc kĩ văn bản

Lời giải chi tiết

Các kiến nghị của tác giả liên quan đến đối tượng:

- Trẻ em: thói quen đọc sách ngay trong thời nhỏ tuổi
- Phụ huynh: thấy được nguy hại của việc các em suốt ngày ngồi trước màn hình xem truyền hình,.. và không mớ đến sách
- Nhà xuất bản sách: quan tâm đến hình thức của sách
- Nhà nước: sử dụng truyền hình để tuyên truyền cho sách

2. Phần tiếng Việt**Câu 1:**

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Lời giải chi tiết

Ngôn ngữ trang trọng

Câu 2:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Lời giải chi tiết

Ngôn ngữ trang trọng

Câu 3:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Lời giải chi tiết

Ngôn ngữ thân mật

Câu 4:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Lời giải chi tiết

Ngôn ngữ trang trọng

Câu 5:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Lời giải chi tiết

Thưa quý khách, xin mời vào trong

Câu 6:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

Lời giải chi tiết

Câu có sự mâu thuẫn giữa các ý. Đã nói kịp thời thì không thể nói lẽ ra phải được tiến hành trước đó, hoặc nếu đã nói lẽ ra phải tiến hành từ trước đó thì không thể cho là kịp thời

Câu 7:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

Lời giải chi tiết

Bầu trời xanh ngắt một màu in bóng xuống dòng sông

Câu 8:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

Lời giải chi tiết

Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng

Câu 9:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghịch ngữ

Lời giải chi tiết

Nghịch ngữ: Âm âm mà quạnh hiu

Câu 10:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghịch ngữ

Lời giải chi tiết

Nghịch ngữ: Hình phạt êm đềm

Câu 11:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghịch ngữ

Lời giải chi tiết

Có sự kết hợp dường như phi lý giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong 1 cụm từ

Câu 12:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghịch ngữ

Lời giải chi tiết

Nghịch ngữ: Thủ tiết

Câu 13:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghịch ngữ

Lời giải chi tiết

Cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình

Câu 14:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghịch ngữ

Lời giải chi tiết

Thể hiện quy luật của tình yêu khi làm nổi bật nỗi nhớ trong trái tim người con gái đang yêu – không chỉ tồn tại trong ý thức mà còn len lỏi vào cõi vô thức, xâm nhập cả vào giấc mơ

Câu 15:

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghịch ngữ

Lời giải chi tiết

Làm nổi bật khí phách và tinh thần quả cảm, ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước của các nghĩa sĩ nông dân

3. Phần làm văn

a. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

Đề 1: Viết bài văn nghị luận so sánh truyện Hoàng tử bé của Ăng-toan đơ Xanh-tơ - Ê-xu-pe-ri và Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ Nguyễn Ngọc Thuần

I. Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm truyện và vấn đề so sánh

II. Thân bài:

1. Nội dung 2 tác phẩm:

- Tác phẩm “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”: Kể về một cậu bé được bố dạy cho những bài học quý giá.

- Tác phẩm “Hoàng tử bé”: Kể về hành trình đi tìm ý nghĩa cuộc sống của chàng phi công khi chàng vô tình gặp được Hoàng tử bé

2. Điểm chung 2 tác phẩm:

- Cả hai đều mang sự tinh tế và sắc sảo trong việc truyền đạt thông điệp. Tuy nhiên, "Hoàng tử bé" tập trung vào mặt nội tâm của con người, trong khi "Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ" tập trung vào khía cạnh xã hội và cuộc sống hiện thực.

3. Điểm khác nhau giữa 2 tác phẩm:

Tuy cùng thuộc thể loại truyện ngắn, "Hoàng tử bé" có một phong cách viết tưởng tượng và lãng mạn, trong khi "Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ" lại có sự chân thực và hiện thực hơn. Cả hai tác phẩm đều có sức mạnh làm cho độc giả suy ngẫm và khám phá sâu hơn về bản thân và thế giới xung quanh.

III. Kết bài:

Tóm lại, "Hoàng tử bé" và "Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ" đều là những tác phẩm văn học đáng giá, có sức lôi cuốn và ý nghĩa sâu sắc. Mỗi tác phẩm đều có cách tiếp cận và thông điệp riêng, nhưng cả hai đều góp phần làm sáng tỏ và làm giàu thêm văn chương của nền văn học thế giới và văn học Việt Nam.

Đề 2: Viết bài văn nghị luận so sánh Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài và Vợ nhặt của Kim Lân

I. Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm truyện và vấn đề so sánh

II. Thân bài:

1. Số phận của người lao động trong 2 tác phẩm:

a. Truyện "Vợ chồng A Phủ" phản ánh số phận đau khổ, tủi nhục của những người dân lao động dưới ách thống trị của cường quyền và thần quyền ở vùng miền núi Tây Bắc. Chứng minh qua cuộc đời nhân vật Mị và A Phủ

b. Truyện "Vợ nhặt" phản ánh số phận khốn khổ, rẻ mạt của con người giữa thời đói

2. Về đẹp tâm hồn của con người qua 2 tác phẩm:

a. Trong "Vợ chồng A Phủ", Tô Hoài đã tập trung miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do cháy bỏng và khả năng cách mạng ở những con người nghèo khổ

b. Trong "Vợ nhặt", Kim Lân đã cho thấy:

- Dù hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng, con người vẫn yêu thương, đùm bọc nhau

- Khao khát hạnh phúc, niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng

3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

4. So sánh

a. Giống nhau:

- Lấy bối cảnh những năm 1945 – 1954
- Phản ánh số phận bi thảm đồng thời cũng khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người lao động
- Tố cáo xã hội thực dân phong kiến chà đạp, đẩy con người vào đau khổ.
- Thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc: trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát vọng chính đáng của con người, có niềm tin vào sự đổi đời của con người.
- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật rất tài tình, tinh tế.

b. Khác nhau:

- “Vợ chồng A Phủ” tập trung phản ánh:
 - + Số phận: người lao động bị áp bức, bóc lột
 - + Vẻ đẹp: sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do.
- “Vợ nhặt” tập trung phản ánh:
 - + Số phận: rẻ rúng vì đói nghèo.
 - + Vẻ đẹp: khát vọng sống, ước mơ hạnh phúc.

III. Kết bài

- Nhân mạnh: hai tác phẩm bên cạnh những nét tương đồng vẫn có những nét riêng biệt, thể hiện phong cách nghệ thuật của tác giả.
- Khẳng định giá trị hiện thực và nhân đạo to lớn của hai tác phẩm cũng như tài năng của hai tác giả.

Đề 3: Viết bài văn nghị luận so sánh Thời thơ ấu của Mác-xim Go-rơ-ki và Những ngày thơ ấu Nguyên Hồng

I. Mở bài

- Giới thiệu hai tác phẩm: "Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng và "Thời thơ ấu" của Mác-xim Go-rơ-ki.
- Nêu mục đích và cơ sở so sánh: tìm hiểu những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm về đề tài, nhân vật, cách tiếp cận và giá trị nghệ thuật.

II. Thân bài

1. Thông tin chung về từng tác phẩm

- "Những ngày thơ ấu" (Nguyên Hồng)

- + Hoàn cảnh ra đời: Giai đoạn đầu thế kỷ 20, trong bối cảnh xã hội Việt Nam nhiều biến động.
- + Đề tài: Ký ức tuổi thơ, gia đình, tình bạn và khát vọng tự do.
- + Chủ đề: Tìm kiếm bản sắc và con người trong hoàn cảnh khó khăn.
- + Nhân vật: Nhân vật chính là Hồng, thể hiện những cảm xúc, suy tư sâu sắc.
- + Vị trí trong văn học: Được coi là tác phẩm tiêu biểu của văn học hiện thực phê phán.
- "Thời thơ ấu" (Mác-xim Go-rơ-li)
- + Hoàn cảnh ra đời: Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, phản ánh đời sống xã hội Nga.
- + Đề tài: Ký ức tuổi thơ, tình thương gia đình, và những khát vọng tự do.
- + Chủ đề: Tìm kiếm ánh sáng trong những điều tối tăm của cuộc sống.
- + Nhân vật: Nhân vật chính là cậu bé trong hoàn cảnh khó khăn, thể hiện tâm hồn nhạy cảm.
- + Vị trí trong văn học: Là một tác phẩm nổi bật trong văn học Nga với phong cách chân thực.

2. Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm

- Cả hai tác phẩm đều viết về tuổi thơ, khai thác ký ức và cảm xúc của nhân vật.
- Đề đề cập đến những khó khăn, thử thách trong cuộc sống, phản ánh khát vọng tự do và hạnh phúc.
- Tác giả đều có cái nhìn sâu sắc về tâm hồn trẻ thơ, thể hiện sự đồng cảm với nhân vật.
- Nguyên nhân: Hai tác giả đều chịu ảnh hưởng từ bối cảnh xã hội, văn hóa và có những trải nghiệm tương đồng về tuổi thơ.

3. Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm

- Về bối cảnh văn hóa: "Những ngày thơ ấu" phản ánh xã hội Việt Nam với những biến động chính trị, trong khi "Thời thơ ấu" lại tập trung vào đời sống xã hội Nga.
- Cách tiếp cận nhân vật: Nguyên Hồng thường thể hiện qua những câu chuyện cụ thể, gần gũi; còn Go-rơ-li lại khắc họa qua những tình huống, cảm xúc sâu sắc hơn.
- Giọng văn và phong cách: Nguyên Hồng có giọng văn trữ tình, đậm chất tự sự; Go-rơ-li mang phong cách hiện thực hơn, chân thực và sắc nét hơn.

4. Đánh giá chung

- Cả hai tác phẩm đều có giá trị văn học cao, thể hiện những khát vọng nhân văn sâu sắc.
- Mỗi tác phẩm có phong cách và cảm hứng riêng, thể hiện sự độc đáo trong cách tiếp cận và phản ánh cuộc sống.

III. Kết bài

- Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện trong tương quan so sánh: Giúp chúng ta hiểu rõ hơn về giá trị nghệ thuật, nhân sinh quan của mỗi tác giả và sự phong phú của văn học thế giới.

Đề 4: Viết bài văn nghị luận so sánh truyện Lão Hạc và Chí Phèo

I. Mở bài

Giới thiệu về tác giả và 2 tác phẩm.

II. Thân bài

| Phương diện cần phân tích | Lão Hạc | Chí phèo | Nhận xét, đánh giá |
|---------------------------|--|---|---|
| Cốt truyện | Lão Hạc, nông dân nghèo, đến nỗi phải bán chó vàng vì túng quẫn. Bệnh tật, lão lừa mọi người ăn bả chó tự tử để giữ tiền cho con. Lão chết trong đau đớn và tủ nhục. | Chí Phèo, đứa trẻ mồ côi, lớn lên bị xã hội tha hóa thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại. Bị đẩy vào con đường lưu manh, cờ bạc, Chí Phèo trở thành tay sai cho cường hào ác bá. Tuy khát khao lương thiện, Chí Phèo không thể thoát khỏi kiếp sống tăm tối. Sau khi được Thị Nở yêu thương, Chí Phèo thức tỉnh nhưng bị kịch thay, Chí Phèo không thể trở lại cuộc sống bình thường và đã tự kết liễu cuộc đời mình. | Chí Phèo và Lão Hạc đều là những tác phẩm tiêu biểu cho văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, xoay quanh cuộc đời bi kịch của người nông dân trong xã hội thực dân phong kiến thối nát. |

| | | | |
|--------------------------------------|--|--|--|
| <p>Hệ thống nhân vật</p> | <p>Nhân vật chính:</p> <p>Lão Hạc: Người nông dân nghèo khổ, cô đơn, góa vợ, chỉ có chú chó Vàng làm bạn.</p> <p>Nhân vật phụ:</p> <p>- Cậu Vàng: Chú chó của lão Hạc, bị lão bán đi vì túng quẫn.</p> <p>- Ông giáo: Người hàng xóm tốt bụng, thương lão Hạc và giúp đỡ lão lúc hoạn nạn.</p> | <p>Nhân vật chính:</p> <p>- Chí Phèo: Nông dân lương thiện bị tha hóa thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.</p> <p>- Thị Nở: Người đàn bà xấu xí, ngốc nghếch</p> <p>Nhân vật phụ:</p> <p>- Bá Kiến: Cường hào ác bá, đẩy Chí Phèo vào con đường lưu manh.</p> | <p>Hệ thống nhân vật trong cả hai truyện đều được xây dựng đa dạng, điển hình, góp phần làm sáng tỏ nội dung và chủ đề tác phẩm.</p> <p>Nhân vật chính đều là những người nông dân lương thiện, chất phác nhưng bị đẩy vào bi kịch bởi xã hội bất công, tàn bạo.</p> <p>Các nhân vật phụ đều đóng vai trò quan trọng trong việc làm rõ tính cách nhân vật chính và hiện thực xã hội.</p> |
| <p>Ngôi kể, điểm nhìn trần thuật</p> | <p>Là người kể chuyện, không tham gia trực tiếp vào câu chuyện.</p> | <p>Nhân vật "tôi": Là người kể chuyện, đồng thời là nhân chứng cho bi kịch của Chí Phèo.</p> | <p>Điểm nhìn trần thuật được sử dụng linh hoạt và hiệu quả trong cả hai tác phẩm Chí Phèo và Lão Hạc. Mỗi điểm nhìn đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng, góp phần tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm và thể hiện giá trị hiện thực, nhân đạo sâu sắc.</p> |
| <p>Ngôn ngữ, giọng điệu</p> | <p>Ngôn ngữ:</p> <p>- Giản dị, mộc mạc: Phù hợp với hoàn cảnh và tính cách nhân vật.</p> <p>- Sử dụng nhiều từ ngữ biểu cảm: Thể</p> | <p>Ngôn ngữ:</p> <p>- Giản dị, mộc mạc: Phù hợp với hoàn cảnh và tính cách nhân vật.</p> <p>- Sử dụng nhiều từ ngữ địa phương: Thể hiện sự gần gũi với cuộc sống của người nông dân.</p> | <p>Ngôn ngữ và giọng điệu được sử dụng tinh tế và hiệu quả trong cả hai tác phẩm Chí Phèo và Lão Hạc. Mỗi tác phẩm đều có những đặc điểm riêng về ngôn ngữ và giọng điệu, góp phần tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm và thể hiện giá trị hiện thực, nhân</p> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | <p>hiện tâm trạng của nhân vật.</p> <p>- Có nhiều chi tiết miêu tả tâm lý: Giúp người đọc hiểu rõ nội tâm nhân vật.</p> <p>Giọng điệu:</p> <p>- Xót xa, thương cảm: Thể hiện sự đồng cảm với bi kịch của nhân vật lão Hạc.</p> <p>- Trầm lắng, buồn bã: Thể hiện tâm trạng nuối tiếc cho số phận con người.</p> <p>- Có sức gợi cao: Khiến người đọc suy ngẫm về cuộc sống và giá trị của con người.</p> | <p>- Có nhiều chi tiết miêu tả: Giúp người đọc hình dung rõ ràng về nhân vật và sự kiện.</p> <p>Giọng điệu:</p> <p>- Ché giễu, mỉa mai: Thể hiện thái độ căm phẫn trước xã hội bất công, tàn bạo.</p> <p>- Đau xót, thương cảm: Thể hiện sự đồng cảm với bi kịch của nhân vật Chí Phèo.</p> <p>- Lãng mạn, trữ tình: Thể hiện niềm tin vào bản chất tốt đẹp của con người.</p> | |
|--|--|--|--|

III. Kết bài

Đánh giá lại vấn đề: tác giả xây dựng hình tượng nhân vật của mình khác nhau, nhưng đều có điểm chung trong tư tưởng nhân đạo.

Đề 5: Viết bài văn nghị luận so sánh ánh sáng và bóng tối trong truyện Hai đứa trẻ và Chữ người tử tù

1. Mở bài

- Sơ lược về phong cách sáng tác của hai nhà văn, đi vào chủ đề chính.

2. Thân bài

a. Hai đứa trẻ:

Ánh sáng:

- Phố huyện: Ánh hoàng hôn đỏ rực, những nguồn sáng leo lét bé nhỏ xuất phát từ ngọn đèn dầu của chị Tí, từ bếp lửa bập bùng tỏa sáng một vùng mờ mờ của bác Siêu, hay là những hột sáng, tia sáng lọt ra từ những khe cửa của những căn nhà trên phố huyện

=> Dem đến sự yếu ớt, âm đạm của khu phố huyện, bộc lộ khung cảnh buồn bã âm đạm nơi phố huyện nghèo, mà còn là biểu trưng cho những kiếp người tàn, đang sống lay lắt từng ngày.

- Đoàn tàu đêm: "toa đèn sáng trưng, chiếu cả xuống đường... đồng và kèn lấp lánh, và các cửa kính sáng", thể hiện sự giàu có, sung túc, đưa ký ức của Liên về một thời tuổi thơ xa xăm mà chị đã từng có, không chỉ vậy nó còn là biểu tượng cho sự hy vọng, khát khao mãnh liệt, tiềm tàng về một cuộc đời tươi sáng hơn của người dân phố huyện, với ước mơ đổi đời.

Bóng tối:

- Bóng tối lan dần trong mắt Liên, đến hình ảnh "dây tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời", rồi cảnh bóng tối đen đặc đến tột cùng với hình ảnh "đường phố và các ngõ con chứa đầy bóng tối", "tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn nữa".

=> Tất cả đều thể hiện sự u tịch, buồn bã và yên ắng của phố huyện nghèo khi trời đêm sập xuống.

*Tiểu kết:

Sự xuất hiện của những thứ ánh sáng yếu ớt, leo lét thành từng chòm, từng hột, từng vệt,... giữa đêm tối mịt mù nơi phố huyện là một sự tương phản sâu sắc, biểu trưng cho những kiếp người tàn, lầm lũi, nhỏ bé nơi phố huyện, biểu trưng cho cuộc sống chán nản, nghèo khó, và bế tắc, ngột ngạt của những con người nơi đây.

b. Chữ người tử tù:

*Ánh sáng:

- "ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc", "lửa đóm cháy rừng rực", ngọn đèn nền trên án của viên quản ngục, rồi thì ánh sáng nhấp nháy của những vì tinh tú, của ngôi sao Hôm,...

=> Tượng trưng cho vẻ đẹp nghệ thuật cao quý và tâm hồn trong sáng, thiện lương của con người, chúng tồn tại ngay cả trong những hoàn cảnh tối tăm đơ bản nhất, chiếu sáng tâm hồn của những con người có thiên lương là thứ ánh sáng trường tồn bất diệt và vô cùng mãnh liệt.

*Bóng tối:

- cảnh "trại giam tối om", "trời tối mịt" quạnh quẽ bao phủ lên người viên quản ngục trong đêm ông nhận được lệnh giam Huân Cao, cảnh Huân Cao cho chữ trong buồng giam chật hẹp âm thấp, đầy phân gián, phân chuột bừa bãi.

=> Mang ý nghĩa tả thực cảnh tù đầy trong nhà lao của Huân Cao mà suy rộng ra hơn nữa nó chính là biểu tượng cho sự bức bối, ngột ngạt, tối tăm của xã hội đương thời, cũng như của cái môi trường mà viên quản ngục đang làm việc và sinh sống.

* Tiêu kết:

- Ánh sáng và màu trắng tinh khôi của tấm lụa nổi bật trên cái nền đen tối, chật hẹp của nhà lao và ngược lại, từ đó suy ra mối tương quan rằng trong hoàn cảnh tối tăm, bản thủ và tàn ác thì thiên lương, tâm hồn biệt nhưởng liên tài của viên quản ngục, cũng như vẻ đẹp tâm hồn cao quý, cùng với nghệ thuật thanh cao được đẩy lên một cách rõ rệt, gây ấn tượng sâu sắc với người đọc.

c. Giống và khác:

*Giống:

Sử dụng các chi tiết ánh sáng và bóng tối một cách dày đặc trên tác phẩm của mình.

Ánh sáng tượng trưng cho vẻ đẹp trong tâm hồn con người, sự thanh cao thuần khiết, niềm hy vọng tốt đẹp, còn bóng tối lại tượng trưng cho sự bế tắc, khốn khổ chật hẹp và cái xấu xa tiêu cực trong xã hội.

Ánh sáng và bóng tối đều được xây dựng ở thể giao tranh kịch liệt và gay gắt, với nghệ thuật tương phản đối lập rõ ràng.

*Khác:

Hai đứa trẻ cách sử dụng nghệ thuật sáng tối của Thạch Lam thiên về khuynh hướng mềm mại, lãng mạn trữ tình, phảng phất sự u buồn, tịch liêu, trái lại trong Chữ người tử tù thì ánh sáng và bóng tối được khắc họa tạo hình sắc nét, sống động và mạnh mẽ.

Ánh sáng ở Hai đứa trẻ được tác giả dựng lên một cách yếu ớt, lẻ tẻ, nhạt nhòa dường như bị màn đêm nuốt chửng. Chữ người tử tù ánh sáng và bóng tối được tác giả miêu tả ở thể cạnh tranh ngang bằng, kịch liệt, trong đó có vẻ ánh sáng được miêu tả một cách nổi bật, áp đảo bóng tối.

=> Từ đó suy ra thông điệp Thạch Lam muốn gửi gắm là sự vươn lên, vẻ đẹp sức sống tiềm tàng, niềm khát khao hy vọng tốt đẹp của những kiếp người nhỏ bé trong cuộc sống còn nhiều tối tăm, âm đạm. Còn Nguyễn Tuân khẳng định chân lý vẻ đẹp thiên lương và tâm hồn thanh cao sẽ luôn thắng và tỏa sáng rực rỡ, gắn kết tâm hồn con người lại với nhau dù cho có ở điều kiện khắc nghiệt, tối tăm và bản thủ đến thế nào.

III. Kết bài:

- Khẳng định đây đều là hai chi tiết nghệ thuật đặc sắc thể hiện rõ phong cách của hai nhà văn

b. Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án

Đề 1: Viết báo cáo nghiên cứu về vấn đề nghiện mạng xã hội hiện nay

1. Đặt vấn đề

1.1. Mục đích

- Tìm hiểu về lượng thời gian sử dụng mạng xã hội Facebook của học sinh.
- Tìm hiểu về mục đích sử dụng mạng xã hội Facebook của học sinh.
- Tìm hiểu về những tác động tích cực của mạng xã hội Facebook đối với học sinh.
- Tìm hiểu về những tác động tiêu cực của mạng xã hội Facebook đối với học sinh.

1.2. Nhiệm vụ

- Mô tả thực trạng sử dụng Facebook của học sinh (mục đích sử dụng, thời gian sử dụng, thời điểm sử dụng, tần suất sử dụng, phương tiện truy cập,...)
- Phân tích ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội Facebook đến học tập của học sinh.
- Phân tích ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội Facebook đến đời sống của học sinh (các quan hệ xã hội).

1.3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Tác động của mạng xã hội Facebook đối với học sinh.
- Phạm vi nghiên cứu: 560 học sinh.
- Thời gian: Tháng 11 – Tháng 12 năm 2012.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp khảo sát, thống kê, phân loại
- Phương pháp đối chiếu so sánh
- Phương pháp tổng hợp, hệ thống

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Vai trò, vị trí của mạng Facebook trong đời sống con người.

2.2. Thực trạng sử dụng mạng xã hội Facebook của học sinh

2.3. Mục đích sử dụng mạng xã hội Facebook của học sinh.

2.3.1. Chia sẻ, cập nhật thông tin và hình ảnh

2.3.2. Giao lưu, kết nối bạn bè

2.3.3. Giải trí

2.4. Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội Facebook đối với học sinh

2.4.1. Những tác động tích cực

2.4.2. Những tác động tiêu cực

2.5. Các biện pháp nâng cao ảnh hưởng tích cực của mạng Facebook đối với học sinh

3. Kết luận

4. Tài liệu tham khảo

Đề 2: *Viết báo cáo nghiên cứu về Lịch sử, văn hóa, xã hội và giáo dục người Chăm ở Việt Nam*

1. Đặt vấn đề

Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, lịch sử vương quốc Champa đã thu hút nhiều nhà khoa học trên thế giới nghiên cứu, công bố thành sách, tạp chí.

2. Giải quyết vấn đề

+ Trước hết, là những ghi chép về Champa trong lịch sử Trung Quốc được tìm thấy trong bộ sử Hán thư, Lương sử, Cựu Đường thư, Tân Đường thư, Tống sử... Các nhà nghiên cứu đều dựa vào những nguồn sử liệu này để dựng lại lịch sử Lâm Ấp-Hoàn Vương-Chiêm Thành.

+ Những tư liệu lịch sử của Việt Nam liên quan đến Chiêm Thành có thể tìm thấy trong Đại Nam nhất thống chí, Đại Việt sử ký toàn thư và một số sử liệu của các triều đại Việt Nam từ Lý-Trần đến triều Nguyễn.

3. Kết luận

+ Tóm lại, các công trình nghiên cứu về lịch sử và nền văn minh Champa được xuất bản thành sách, báo và tạp chí rất đa dạng và phong phú, được các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu nhiều khía cạnh, lĩnh vực khác nhau.

Đề 3: *Viết báo cáo nghiên cứu về kiến trúc Hoàng Thành Thăng Long*

1. Đặt vấn đề

Như chúng ta đã biết, kinh thành Thăng Long luôn được gắn với một sự kiện lịch sử nổi tiếng đó là vào năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư đến Đại La và cho xây dựng kinh thành Thăng Long. Thời Hậu Lê, thành Thăng Long vẫn được coi là kinh đô, trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước.

2. Giải quyết vấn đề

+ Về lịch sử hình thành: Năm 1010 vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư đến Đại La và cho xây dựng kinh thành

+ Về vị trí: kinh thành Thăng Long tọa lạc ở phía Bắc Việt Nam và được giám dân về diện tích qua các triều đại.

+ Về kiến trúc: trải qua thời gian và những biến cố của lịch sử, thành Thăng Long đã có nhiều thay đổi, biến dạng, nhưng đến nay vẫn còn thấy được cả di tích trên mặt đất, dưới lòng đất, di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật

+ Trải qua thăng trầm lịch sử, chiến tranh, thuộc địa... Kinh thành Thăng Long vẫn nằm đó như một minh chứng của lịch sử.

3. Kết luận

+ Bài báo cáo đã chỉ ra được những đặc trưng của hoàng thành Thăng Long. Tuy nhiên vẫn còn nhiều điều cần được nghiên cứu để có cái nhìn sâu rộng hơn về khu di tích.

c. Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí

Đề 1: So sánh tác phẩm Nhật ký Đặng Thùy Trâm và Một lít nước mắt

I. Mở bài

1. Giới thiệu chung về hai tác phẩm, tác giả:

- Nhật ký Đặng Thùy Trâm của Đặng Thùy Trâm là một bác sĩ quân y người Việt Nam. Bà sinh năm 1942 tại Huế.

- Một lít nước mắt của Kito Aya là một cô gái người Nhật Bản. Aya sinh năm 1962 và mắc phải căn bệnh thoái hóa tiểu não khi mới 15 tuổi.

2. Nêu vấn đề nghị luận:

- So sánh hai tác phẩm về các phương diện: tác giả, người kể chuyện, thủ pháp nghệ thuật và giá trị nhân văn.

II. Thân bài

1. Tác giả và người kể chuyện

- Nhật ký Đặng Thùy Trâm:

+ Tác giả: Đặng Thùy Trâm, bác sĩ quân y người Việt Nam.

+ Người kể chuyện: Chính Đặng Thùy Trâm, ghi lại những trải nghiệm và cảm xúc trong chiến tranh.

- Một lít nước mắt:

+ Tác giả: Kito Aya, cô gái người Nhật Bản mắc bệnh thoái hóa tiểu não.

+ Người kể chuyện: Chính Kito Aya, ghi lại cuộc sống và cuộc đấu tranh với bệnh tật.

2. Thủ pháp nghệ thuật

- Nhật ký Đặng Thùy Trâm:

+ Miêu tả chân thực: Ghi chép chi tiết về cuộc sống và chiến tranh, tạo nên bức tranh sống động và chân thực.

+ Tự sự: Sử dụng ngôn ngữ tự sự để kể lại những trải nghiệm cá nhân, những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc.

+ Lồng ghép cảm xúc: Những dòng nhật ký chứa đựng nhiều cảm xúc, từ nỗi đau, sự mất mát đến niềm hy vọng và khát khao hòa bình.

- Một lít nước mắt:

+ Miêu tả chi tiết: Ghi chép chi tiết về cuộc sống hàng ngày và những khó khăn do bệnh tật, tạo nên bức tranh chân thực về cuộc sống của người bệnh.

+ Tự sự: Sử dụng ngôn ngữ tự sự để kể lại những suy nghĩ, cảm xúc và những nỗ lực vượt qua bệnh tật.

+ Lồng ghép cảm xúc: Nhật ký chứa đựng nhiều cảm xúc, từ nỗi đau, sự tuyệt vọng đến niềm hy vọng và khát khao sống.

- Nhận xét chung: Cả hai tác phẩm đều là nhật ký cá nhân, ghi lại những suy nghĩ, cảm xúc và trải nghiệm thực tế của tác giả. Điều này mang lại tính chân thực và sâu sắc cho câu chuyện, giúp người đọc cảm nhận được những khó khăn và nỗ lực của tác giả trong cuộc sống.

3. Giá trị nhân văn và lịch sử

- Nhật ký Đặng Thùy Trâm:

+ Giá trị lịch sử: Phản ánh chân thực cuộc sống và chiến tranh, là tài liệu lịch sử quý giá.

+ Giá trị nhân văn: Truyền tải thông điệp về lòng yêu nước, sự hy sinh và khát khao hòa bình.

- Một lít nước mắt:

+ Giá trị nhân văn: Truyền tải thông điệp về sự kiên cường, lòng dũng cảm và khát khao sống.

+ Giá trị cảm xúc: Gây xúc động mạnh mẽ và truyền cảm hứng cho người đọc về tinh thần vượt khó.

4. Nhận xét và đánh giá

- Nhật ký Đặng Thùy Trâm:

+ Là một tác phẩm quý giá, không chỉ phản ánh chân thực cuộc sống và chiến tranh mà còn thể hiện tinh thần yêu nước, sự hy sinh và lòng dũng cảm của người phụ nữ Việt Nam. Nhật ký của Đặng Thùy Trâm đã trở thành một tài liệu lịch sử quan trọng và là nguồn cảm hứng cho nhiều thế hệ.

+ Tác phẩm giúp người đọc hiểu rõ hơn về những khó khăn và hy sinh của những người lính và bác sĩ quân y trong chiến tranh, đồng thời truyền tải thông điệp về lòng yêu nước và khát khao hòa bình.

- Một lít nước mắt:

+ Là một tác phẩm cảm động và đầy nghị lực, kể về cuộc đấu tranh của một cô gái trẻ với căn bệnh hiểm nghèo. Nhật ký của Aya đã truyền cảm hứng cho nhiều người về tinh thần vượt khó và ý chí sống mạnh mẽ.

+ Tác phẩm giúp người đọc hiểu rõ hơn về những khó khăn mà người bệnh phải đối mặt, đồng thời truyền tải thông điệp về sự kiên cường, lòng dũng cảm và khát khao sống.

- Nhận xét chung: Cả hai tác phẩm đều mang lại những bài học quý giá và truyền cảm hứng mạnh mẽ cho người đọc. Mỗi tác phẩm đều có giá trị riêng và đáng để chúng ta trân trọng và học hỏi.

III. Kết bài

1. Khẳng định lại giá trị của hai tác phẩm:

- Cả hai tác phẩm đều mang lại những bài học quý giá và truyền cảm hứng mạnh mẽ cho người đọc.

+ Nhật ký Đặng Thùy Trâm: Thể hiện tinh thần yêu nước, sự hy sinh và lòng dũng cảm của một bác sĩ quân y trong chiến tranh. Bà luôn khát khao hòa bình và mong muốn đóng góp cho đất nước.

+ Một lít nước mắt: Kể về cuộc đấu tranh của Aya với căn bệnh thoái hóa tiểu não. Aya luôn nỗ lực sống tốt và không ngừng hy vọng, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và đau đớn.

2. Nêu cảm nhận cá nhân:

- Đánh giá cao sự chân thực và cảm xúc sâu sắc trong cả hai tác phẩm: Cả hai tác phẩm đều chứa đựng nhiều cảm xúc sâu sắc, từ nỗi đau, sự mất mát đến niềm hy vọng

và khát khao sống. Những dòng nhật ký này đã truyền cảm hứng mạnh mẽ cho người đọc về tinh thần vượt khó và ý chí sống mạnh mẽ.

Đề 2: So sánh hình tượng sông Đà trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” và sông Hương trong bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông”

I. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân và Người lái đò sông Đà
- Giới thiệu tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và Ai đã đặt tên cho dòng sông
- Giới thiệu vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của sông Hương, sông Đà, và về việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước.

II. Thân bài

1. Nét tương đồng của 2 dòng sông:

a. Sông Đà và sông Hương đều được các tác giả miêu tả như một nhân vật trữ tình có tính cách với những vẻ đẹp đặc trưng riêng biệt, thể hiện tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước.

b. Sông Đà và sông Hương đều mang nét đẹp của sự hùng vĩ, dữ dội.

- Vẻ đẹp hùng vĩ của sông Đà được thể hiện qua sự hung bạo và dữ dội của nó trên nhiều phương diện khác nhau cảnh trí dữ dội, âm thanh ghê rợn, đá sông Đà như đang bày trù vi thạch trận.

- Khi chảy giữa lòng Trường Sơn, sông Hương chảy dữ dội tựa 1 bản trường ca của rừng già, tựa cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại....

c. Sông Đà và sông Hương đều có vẻ đẹp thơ mộng và trữ tình:

- Sông Đà: dáng sông mềm mại tựa mái tóc tuôn dài tuôn dài, màu nước thay đổi qua từng mùa, vẻ đẹp hoang sơ, cổ kính...

- Sông Hương: với dòng chảy dịu dàng và đắm say giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Sông Hương còn mang vẻ đẹp của người con gái ngủ mơ màng chờ người tình mong đợi đánh thức. Nó còn được ví như điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế...

d. Cả 2 đều được miêu tả qua ngòi bút tài hoa, uyên bác:

– Tài hoa: 2 dòng sông đều được miêu tả trên phương diện văn hóa, thẩm mỹ:

+ Sông Đà là nơi hội tụ 2 nét tiêu biểu, đặc trưng của thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, uy nghiêm, dữ dội lại vừa trữ tình, thơ mộng.

+ Sông Hương là dòng sông của âm nhạc, dòng sông của thơ ca, của lịch sử gắn liền với những nét đặc sắc về văn hóa, với vẻ đẹp của người dân xứ Huế.

- Uyên bác: cả 2 tác giả đều vận dụng cái nhìn đa ngành, vận dụng kiến thức trên nhiều lĩnh vực nghệ thuật để khắc họa hình tượng 2 dòng sông.

2. Nét độc đáo riêng trong từng hình tượng dòng sông:

a. Sông Đà:

- Trong đoạn trích, nhà văn tập trung tô đậm nét hung bạo, dữ dội của sông Đà giống như 1 kẻ thù hiểm độc và hung ác

→ Thể hiện rõ nhất qua hình ảnh nước dữ, gió dữ, đá dữ đặc biệt đá bày trùng vi thạch trận chực lấy đi mạng sống của con người. – Sông Đà được cảm nhận ở chính nét dữ dội, phi thường, khác lạ: tiếng thét của sông Đà như tiếng thét của ngàn con trâu mộng, đá trên sông Đà mỗi viên đều mang 1 khuôn mặt hung bạo, hiểm ác...

- Đặc biệt, tác giả miêu tả sự hung bạo của sông Đà để làm nổi bật sự tài hoa, tài trí của người lái đò. Lúc này đây, sông Đà như 1 chiến địa dữ dội. Và mỗi lần vượt thác của người lái đò là mỗi lần ông phải chiến đấu với thần sông, thần đá...

b. Sông Hương:

- Sông Hương được tô đậm ở nét đẹp trữ tình, thơ mộng, gợi cảm và nữ tính, luôn mang dáng vẻ của 1 người con gái xinh đẹp, mong manh có tình yêu say đắm.

- Sông Hương được miêu tả qua chiều sâu văn hóa xứ Huế, nó như người mẹ phù sa bồi đắp cho vùng đất giàu truyền thống văn hóa này từ bao đời nay.

- Sông Hương được cảm nhận qua lăng kính của tình yêu: thủy trình của sông Hương là thủy trình có ý thức tìm về người tình mong đợi. Khi chảy giữa Huế, sông Hương mềm hẳn đi như 1 tiếng ”vâng” không nói ra của tình yêu. Trước khi đổ ra cửa biển, sông Hương như người con gái dùng dằng chia tay người yêu, thể hiện 1 nỗi niềm vương vấn với 1 chút lẳng lơ kín đáo.

- Thông qua hình tượng sông Hương mang nét đẹp nữ tính, nhà văn thể hiện nét đẹp lãng mạn, trữ tình của đất trời xứ Huế

3. Trách nhiệm bản thân trong việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước.

- Học sinh có thể trình bày quan điểm cá nhân dựa trên những gợi ý sau : Thế hệ trẻ cần có trách nhiệm bảo vệ cảnh quan đất nước qua hành động cụ thể như: yêu quý, bảo vệ môi trường, quảng bá thắng cảnh...

III. Kết Bài

- Đánh giá chung về đóng góp của hai nhà văn

- Qua vẻ đẹp tương đồng của 2 dòng sông, ta bắt gặp sự tương đồng độc đáo của 2 tâm hồn có tình yêu thiên nhiên tha thiết và niềm tự hào với vẻ đẹp của non sông đất nước Việt Nam.

- Mỗi nhà văn đều có 1 phong cách nghệ thuật độc đáo trong việc thể hiện hình tượng các dòng sông, giúp người đọc có những cách nhìn phong phú, đa dạng về vẻ đẹp của quê hương, đất nước mình.

d. Viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

Đề 1: Có câu nói: “Cứ sai đi vì cuộc đời cho phép” nhưng lại có ý kiến cho rằng “Không nên coi sai lầm là phép thử cho cuộc đời của bạn”. Viết bài văn nêu ý kiến của bạn về 2 ý kiến trên

I. Mở bài: Dẫn dắt vấn đề

II. Thân bài:

1. Giải thích khái niệm “sai lầm:

- Là một quyết định hoặc một con đường ta chọn, ta thực hiện nhưng không đem lại kết quả mong muốn.

- Sai lầm không phải là dấu chấm hết, nó sẽ là động lực thúc đẩy mỗi con người đạt được mục đích.

2. Phân tích 2 câu nói:

- Câu nói thứ nhất khiến con người được truyền cảm hứng để dũng cảm dấn thân, thậm chí là sáng tạo và liều lĩnh. Có thất bại mới trân quý thành công.

- Tuy nhiên chúng ta cũng không nên coi đó là “phép thử” như môn học, cứ sai lại thử, dẫn đến lãng phí thời gian, tuổi trẻ, tiền bạc, tri thức và có thể phung phí cả niềm tin vào chính mình.

- Không nên coi sai lầm là phép thử chỉ để biết kết quả đó là tội tặc, mà hãy coi nó là một bài học để không còn lặp lại trong tương lai. Và cũng đừng lấy lí do được phép sai để bào chữa cho sự sai lầm vô tội vạ của mỗi cá nhân.

- Hai ý kiến trên nghe có vẻ như trái ngược nhau nhưng không phải vậy, chúng bổ sung thích đáng cho nhau để mang đến cho chúng ta những suy nghĩ và cách ứng xử khác nhau về “sai lầm” trong cuộc sống.

III. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

Đề 2: Viết bài văn nghị luận nêu quan điểm về sự cống hiến của tuổi trẻ với tổ quốc

I. Mở bài

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: sự cống hiến của thế hệ trẻ hiện nay. (Một trong những điều mà tuổi trẻ hiện nay cần phải lưu tâm chính là sự cống hiến của mình đối với quê hương đất nước.)

Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách viết mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào năng lực của bản thân mình.

II. Thân bài

1. Giải thích

Sự cống hiến của tuổi trẻ đối với quê hương, đất nước: trách nhiệm giữ gìn nền độc lập, tích cực xây dựng nước nhà ngày càng vững mạnh,

2. Phân tích

Mỗi người khi học tập, lao động, tạo lập cho mình một cuộc sống tốt đẹp cũng chính là cống hiến cho tổ quốc.

Yêu thương, giúp đỡ đồng bào, đoàn kết không chỉ giúp cho chúng ta được yêu thương, trân trọng trong mắt mọi người mà nó còn thể hiện sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

3. Liên hệ bản thân

Là một học sinh trước hết chúng ta cần học tập thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ, lễ phép với thầy cô. Có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. Luôn biết yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh,...

4. Phản đề

Tuy nhiên vẫn còn có nhiều bạn chưa có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước, chỉ biết đến bản thân mình, coi việc chung là việc của người khác,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn lên án.

III. Kết bài

Khái quát lại vấn đề nghị luận: sự cống hiến của tuổi trẻ đối với quê hương đất nước. Mỗi chúng ta khi sinh ra được sống trong nền hòa bình đã là một sự may mắn, chính vì vậy chúng ta cần phải cống hiến nhiều hơn để phát triển nước nhà vững mạnh, có thể chống lại mọi kẻ thù.

Đề 3: Viết bài văn nghị luận về vấn đề sống có ích

I. Mở bài:

Sống có ích là một chủ đề được quan tâm trong cuộc sống hiện đại.

II. Thân bài:

1. Giải thích:

- Sống có ích đòi hỏi mỗi người phải có một mục tiêu, một ước mơ và nỗ lực để đạt được nó. Đồng thời, người sống có ích cũng phải có tinh thần yêu thương và sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh. Công việc cống hiến cho cuộc đời và phát triển nước nhà là một yếu tố không thể thiếu trong một cuộc sống có ý nghĩa.

2. Phân tích:

- Biểu hiện của người sống có ích: Một người sống có ích luôn có mục tiêu cho bản thân và cố gắng để đạt được nó. Họ không chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân, mà còn sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh. Họ có tinh thần cống hiến và đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

- Lợi ích, ý nghĩa của việc sống có ích: Việc sống có ích giúp con người tìm được ý nghĩa của cuộc sống và cảm thấy hạnh phúc hơn. Đồng thời, nó còn đóng góp cho sự phát triển của xã hội và đất nước. Người sống có ích được mọi người yêu quý, tôn trọng và noi theo.

3. Chứng minh:

- Ví dụ về những người sống có ích như đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà báo Phạm Xuân Ẩn, danh họa Bùi Xuân Phái, và nhiều nhân vật khác trong lịch sử và hiện tại. Họ đều là những người đã cống hiến cho cuộc đời và đất nước, được mọi người yêu quý, tôn trọng và ghi nhớ mãi mãi.

- Vì vậy, chúng ta cần nhìn nhận và tự đánh giá mình, xem mình có đang sống có ích hay không? Nếu chưa, hãy nỗ lực để thay đổi bản thân mình, phấn đấu vươn lên và giúp đỡ những người xung quanh.

- Đôi khi, chúng ta cảm thấy rằng việc sống có ích là quá khó khăn, quá xa vời, nhưng thực sự, đó là một hành trình dài, không bao giờ dễ dàng. Tuy nhiên, nếu chúng ta không bắt đầu từ đâu, chúng ta sẽ không bao giờ đạt được điều đó.

- Và cuối cùng, hãy nhớ rằng, cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi chúng ta sống cho mục đích lớn hơn chính mình. Hãy sống có ích để cuộc sống của bạn trở nên đầy ý nghĩa và giá trị hơn.

III. Kết bài:

Trong cuộc sống, không ai là hoàn hảo và ai cũng có thể có những sai lầm. Nhưng điều quan trọng là chúng ta cần nhìn ra và sửa chữa những sai lầm đó để trở thành một người sống có ích hơn, một người đóng góp tích cực hơn cho xã hội và cuộc sống của mình.

Vì vậy, hãy cố gắng sống có ích, vươn lên và giúp đỡ những người xung quanh.

Chúng ta cùng nhau tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn, một thế giới đầy ý nghĩa và giá trị hơn.

Đề 4: Viết bài văn nghị luận về việc sống để phụng sự xã hội của giới trẻ

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận

II. Thân bài:

1. Giải thích khái niệm:

- Sống có ích là gì?
- Là lối sống lành mạnh, không sa vào các tệ nạn xã hội, sống đẹp biết giúp đỡ người và cũng cần có trách nhiệm cho bản thân.

2. Phân tích

- Tác dụng của lối sống có ích: Tạo nên một cộng đồng vững bền; giúp con người trưởng thành hơn
- Biểu hiện của lối sống có ích (minh chứng cụ thể)
 - + Có những bạn trẻ không quản khó khăn, mưa nắng công bạn bị khuyết tật đến trường- đó là những tấm gương sáng trong việc sống có ích.
 - + Ngay ở trong gia đình, ta biết giúp đỡ cha mẹ làm việc nhà, nghe lời dạy bảo, chăm chỉ học hành là đã trở thành những người sống có ích.
 - + Có những danh nhân tuy họ vô cùng thành công và giàu có, nhưng họ sẵn sàng lăn xả vào những hoạt động từ thiện, giúp đỡ các gia đình ở vùng thiên tai lũ lụt, hay chi một số tiền rất lớn để giúp đỡ người hoạn nạn.

3. Phản đề

- Bên cạnh đó vẫn có rất nhiều sống ích kỉ, không có một mục tiêu, lối sống rõ ràng. Cả ngày chỉ biết ăn bám, dựa dẫm vào người khác.

III. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề và nêu thông điệp của bản thân

e. Viết bài nghị luận về vai trò của văn học với tuổi trẻ

Đề 1: Viết bài nghị luận về vai trò của một tác phẩm văn học đối với cá nhân em

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận

II. Thân bài:

- Đó là tác phẩm nào? Nội dung chính của tác phẩm là gì? Hình thức nghệ thuật của tác phẩm có gì đặc sắc?

+ “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu là bức tranh hiện thực đầy màu sắc, ẩn sau đó chứa đựng câu chuyện về số phận cuộc đời con người.

+ Tác phẩm nổi bật lên với nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc. Đầu tiên phải kể đến nghệ thuật xây dựng tình huống truyện tài tình.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, khéo léo.

+ Bút pháp tả thực

- Tác phẩm đã để lại trong tâm hồn em ấn tượng sâu đậm như thế nào?

- Vì sao tác phẩm ấy lại có tác động mạnh mẽ đến tâm hồn em?

+ Tác phẩm để lại rất nhiều ấn tượng trong em, không chỉ là về những đặc sắc nghệ thuật mà còn về giá trị hiện thực mà nó đem lại.

+ Tác phẩm làm em cảm thấy ấn tượng thêm một lần nữa chính là ở quyết định của người đàn bà làng chài.

- Tác phẩm ấy đã làm thay đổi nhận thức, hành động, suy nghĩ, tình cảm,... của em như thế nào?

+ Tác phẩm đã đưa giúp cho em có cái nhìn vô cùng thực tế về bản thân và cuộc sống.

+ Tác phẩm đã khơi dậy lòng thương cảm, sự thấu hiểu và sẻ chia trước số phận vất vả, khổ cực của kiếp người nghèo khổ, bé tắc bị cầm tù bằng nỗi đau về thể xác và tinh thần.

III. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề nghị luận